



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
CANTHO UNIVERSITY

Tạp chí
KHOA HỌC

Journal of Science

ISSN : 1859-2333

Số định kỳ 13 năm 2010
Volume: 13 - 2010

Khoa học Nông nghiệp

13. HIỆU QUẢ SẢN XUẤT TÔM CỦA NÔNG HỘ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: TRƯỜNG HỢP SO SÁNH MÔ HÌNH NUÔI BÁN THÂM CANH TỈNH TRÀ VINH VỚI TỈNH BẠC LIÊU
Bùi Văn Trịnh và Nguyễn Quốc Nghi..... 105
14. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA MÔ HÌNH CANH TÁC NÔNG NGHIỆP: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Đỗ Văn Xê..... 113
15. SO SÁNH HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA 2 MÔ HÌNH CANH TÁC NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG
Đỗ Văn Xê..... 120
16. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA LAO ĐỘNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP Ở TIỀN GIANG
Mai Văn Nam và Nguyễn Thanh Vũ..... 126
17. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỦY SẢN KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
Quan Minh Nhựt..... 137

Khoa học Nông nghiệp

18. QUI TRÌNH mPCR PHÁT HIỆN ĐỒNG THỜI VI-RÚT GÂY BỆNH ĐÓM TRẮNG, VI-RÚT PARVO GÂY BỆNH GAN TỤY TRÊN TÔM SÚ (*PENAEUS MONODON*)
Đặng Thị Hoàng Oanh, Trần Nguyễn Diễm Tú và Trần Việt Tiên..... 144
19. PHÁT HIỆN VI KHUẨN *EDWARDSIELLA ICTALURI* GÂY BỆNH MŨ GAN TRÊN CÁ TRA (*PANGASIANODON HYPOPHthalmus*) BẰNG PHƯƠNG PHÁP PCR
Đặng Thị Hoàng Oanh và Nguyễn Trúc Phương..... 151
20. TÁC DỤNG CỦA PHÂN HỮU CƠ TỪ HÂM Ủ BIOGAS TRONG CẢI THIẾN ĐỘ PHÌ NHIÊU ĐẤT VÀ NĂNG SUẤT CÂY TRỒNG
Lê Thị Thanh Chi, Võ Thị Gương và Joachim Clemens 160
21. KẾT QUẢ CHỌN GIỐNG LÚA MTL 392 Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
Lê Xuân Thái, Lê Thu Thủy và Nguyễn Ngọc Đệ..... 170
22. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỘ MẶN ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ TỶ LỆ SỐNG CỦA ỐC LEN (*CERITHIDEA OBTUSA*)
Ngô Thị Thu Thảo..... 180
23. NGHIÊN CỨU NUÔI THÂM CANH CÁ KÈO (*PSEUDAPOCRIPTES LANCEOLATUS* BLOCH, 1801) TRONG BỂ VỚI CÁC MẬT ĐỘ KHÁC NHAU
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hứa Thái Nhân và Trần Ngọc Hải 189
24. CÔN TRÙNG GÂY HẠI CÂY SƠ RI (*MALPIGHIA GLABRA* L.) TRÊN MỘT SỐ ĐỊA BÀN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA SÂU XÉP LÁ *ARCHIPS MICACEANA* WALKER (LEPIDOPTERA: TORTRICIDAE)
Trần Quang Vinh và Nguyễn Thị Thu Cúc 199
25. CÔN TRÙNG GÂY HẠI CÂY VÚ SỮA (*CHRYSOPHYLLUM CAINITO* L.) TRÊN MỘT SỐ ĐỊA BÀN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA SÂU RÓM *EUPROCTIS SUBNOTATA* (WALKER) (LEPIDOPTERA: LIMANTRIIDAE)
Trương Huỳnh Ngọc và Nguyễn Thị Thu Cúc..... 209
26. SỰ GÂY HẠI CỦA RỆP SÁP (*HOMOPTERA - PSEUDOCOCCIDAE*) TRÊN RỄ CÂY CỎ MÚI (*CITRUS*) VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
Nguyễn Thị Thu Cúc và Nguyễn Hữu Thọ 221

HIỆU QUẢ SẢN XUẤT TÔM CỦA NÔNG HỘ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: TRƯỜNG HỢP SO SÁNH MÔ HÌNH NUÔI BÁN THÂM CANH TỈNH TRÀ VINH VỚI TỈNH BẠC LIÊU

Bùi Văn Trịnh¹ và Nguyễn Quốc Nghi¹

ABSTRACT

This paper is to analyze and to compare the effectiveness of farming shrimp based on semi-intensive cultivation model between Tra Vinh and Bac Lieu province. Data used in the paper is based on directly interviewing 80 households with randomly sample. Source of secondary data is from the Departments of Agriculture and Rural Development. Descriptive analysis is concerned in the paper. Findings mentioned that both Tra Vinh and Bac Lieu provinces had the same advantage of natural condition to produce the farming shrimp based on semi-intensive cultivation model. However, households in Bac Lieu get higher productivity than that of Tra Vinh and the lower production cost. Consequently, households in Bac Lieu got much higher profit than that of Tra Vinh. Finally, some solutions were proposed to improve the farming efficiency of semi-intensive shrimp cultivation model in both provinces.

Keywords: Household's shrimp farming, efficiency

Title: Household's shrimp farming efficiency in the Mekong Delta: Case of Comparing Semi-intensive shrimp cultivation model in Tra Vinh and Bac Lieu provinces

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm phân tích và so sánh hiệu quả nuôi tôm theo mô hình bán thâm canh (BTC) của nông hộ ở tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh. Nguồn số liệu được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: 80 mẫu số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng và số liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ở địa bàn nghiên cứu và các nghiên cứu có liên quan. Phương pháp thống kê mô tả sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh đều có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi tôm theo mô hình BTC. Nông hộ ở Bạc Liêu tạo ra giá trị sản xuất từ tôm theo mô hình BTC cao hơn, đồng thời chi phí sản xuất cũng thấp hơn so với nông hộ ở Trà Vinh, do vậy mà nông hộ ở Bạc Liêu đạt lợi nhuận từ mô hình sản xuất tôm BTC cao hơn so với ở Trà Vinh. Một số giải pháp được nhóm nghiên cứu đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của mô hình nuôi tôm BTC ở hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh.

Từ khóa: hộ nuôi tôm, hiệu quả

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chiếm 12% diện tích và 20,87% dân số cả nước, điều kiện riêng biệt đã biến vùng thành nơi có đủ tiềm năng phát triển nông nghiệp nói chung và nuôi trồng thủy sản nói riêng. Bạc Liêu là tỉnh có diện tích nuôi trồng thủy sản khá lớn, khoảng 125.167 ha, sản lượng hàng năm 130.600 tấn,

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

trong đó có 65.750 tấn tôm. Còn tỉnh Trà Vinh có diện tích nuôi tôm thủy sản thấp hơn, khoảng 59.400 ha, sản lượng hàng năm khoảng 150.000 tấn, trong đó khoảng 37.000 tấn tôm. Các mô hình nuôi tôm ở hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh rất đa dạng, gồm có: mô hình nuôi tôm quảng canh (QC), quảng canh cải tiến (QCCT), bán thâm canh (BTC), thâm canh (TC),... Trong đó, mô hình sản xuất tôm BTC là phổ biến. Để có căn cứ đề xuất phát triển mô hình này trong thời gian tới, chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Hiệu quả sản xuất tôm của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long: Trường hợp so sánh mô hình nuôi BTC tỉnh Trà Vinh với tỉnh Bạc Liêu” với những mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phân tích và so sánh hiệu quả nuôi tôm theo mô hình BTC của nông hộ ở tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh; (2) Nhận định một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất tôm theo mô hình BTC của nông hộ ở địa bàn nghiên cứu; và (3) Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC của nông hộ ở hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Nhóm nghiên cứu thu thập từ các nguồn: Niên giám thống kê, Báo cáo tổng kết năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Trà Vinh. Các nhận định, đánh giá của các nhà chuyên môn, quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc.

Số liệu sơ cấp: Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Ở tỉnh Bạc Liêu, các huyện được chọn khảo sát như: Đông Hải (7 mẫu), Hòa Bình (10 mẫu), Phước Long (4 mẫu), TX. Bạc Liêu (12 mẫu). Còn ở tỉnh Trà Vinh, các huyện được chọn như: Trà Cú (3), Cầu Ngang (14 mẫu), Duyên Hải (26 mẫu), Châu Thành (3 mẫu). Bạc Liêu và Trà Vinh là hai tỉnh có những điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm sinh thái, đều là các tỉnh nuôi tôm ven biển, có những điểm giống nhau về các mô hình nuôi tôm, tập quán, thói quen nuôi tôm,... Đây cũng là những vùng nuôi tôm phổ biến, tập trung và tiêu biểu ở khu vực ĐBSCL.

2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu nghiên cứu (số trung bình, tỉ lệ, tần suất,...) nhằm phân tích và so sánh hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm BTC ở tỉnh Bạc Liêu với Trà Vinh. Đồng thời, phương pháp tham vấn chuyên gia được sử dụng làm căn cứ để đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC ở hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thông tin cơ bản của các nông hộ sản xuất tôm theo mô hình BTC

Bảng 1: Thông tin cơ bản về đối tượng nghiên cứu

Chỉ tiêu	Đvt	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Tỉnh Bạc Liêu					
Tuổi bình quân chủ hộ	tuổi	18	61	43,4	10,54
Học vấn bình quân chủ hộ	lớp	2	12	8,0	2,59
Số khẩu bình quân/hộ	người	2	15	4,7	2,32
Số lao động bình quân/hộ	lao động	2	9	3,9	1,58
Tỉnh Trà Vinh					
Tuổi bình quân chủ hộ	tuổi	26	72	43,8	8,39
Học vấn bình quân chủ hộ	lớp	2	12	8,3	2,97
Số khẩu bình quân/hộ	người	2	10	4,9	1,67
Số lao động bình quân/hộ	lao động	2	8	3,9	1,78

Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2009

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tuổi bình quân của chủ hộ nuôi tôm tại địa bàn nghiên cứu là khá cao, ở Bạc Liêu là 43,35 tuổi, ở Trà Vinh là 43,83 tuổi và bình quân chung của hai tỉnh là 43,59 tuổi. Bên cạnh đó, trình độ học vấn của các chủ hộ nuôi tôm tương đối thấp. Điều này cho thấy, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nói chung và nuôi tôm nói riêng, hầu hết lao động đều có trình độ thấp, sản xuất chủ yếu dựa trên kinh nghiệm tích lũy. Số lao động bình quân/hộ tương đối cao: ở Bạc Liêu trung bình là 3,91 lao động/hộ, ở Trà Vinh là 3,89 lao động/hộ, bình quân chung là 3,90 lao động/hộ. Với tình hình lao động/hộ như thế cho thấy rằng nhu cầu lao động phục vụ cho công việc nuôi tôm được đáp ứng một cách tương đối đầy đủ.

3.2 So sánh hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC ở Bạc Liêu và Trà Vinh

Kết quả nghiên cứu cho thấy, diện tích nuôi tôm bình quân/hộ tương đối lớn: 10.400 m²/hộ. Trong đó, ở tỉnh Bạc Liêu là 12.120 m²/hộ, ở tỉnh Trà Vinh thấp hơn với 8.670 m²/hộ. Diện tích nuôi tôm bình quân/hộ cao cho thấy rằng con tôm đóng vai trò rất quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp nói chung và trong nuôi trồng thủy sản nói riêng ở Bạc Liêu và Trà Vinh. Năng suất bình quân của hai tỉnh là 2,30 tấn/ha. Trong đó, năng suất tôm của Trà Vinh (2,32 tấn/ha) đạt cao hơn so với năng suất tôm ở Bạc Liêu (2,27 tấn/ha). Tuy nhiên do, diện tích nuôi tôm ở Bạc Liêu lớn hơn so với diện tích nuôi tôm ở Trà Vinh nên sản lượng tôm bình quân ở Bạc Liêu (3,15 tấn/hộ) cao hơn so với sản lượng tôm ở Trà Vinh (2,03 tấn/hộ), sản lượng bình quân của hai tỉnh là 2,58 tấn/hộ. Hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC được so sánh giữa 2 tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh thông qua các chỉ tiêu thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2: So sánh hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC ở tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Trà Vinh (tính bình quân cho 1000m² nuôi tôm)

Chỉ tiêu	Đvt	Bạc Liêu (1)	Trà Vinh (2)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối (1) - (2)	% [(1) - (2)]/(2)
Năng suất	kg	227,48	232,26	-4,78	-2,06
Giá bán	1000đ/kg	79,70	76,00	3,80	5,00
Giá trị sản xuất (GO)	1.000đ	18.126,50	17.651,70	474,80	2,69
Chi phí sản xuất (TC)		15.058,00	16.845,00	-1.787,00	-10,61
- Chi phí trung gian (IC)	1.000đ	13.879,96	14.823,61	-943,65	-6,37
- CP KH đầu tư ban đầu		1.177,87	2.021,39	-843,52	-41,73
Giá trị tăng thêm (VA)	1.000đ	4.246,54	4.251,40	-4,86	-0,11
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1.000đ	3.068,67	2.230,01	838,66	37,61
Lao động gia đình	ngày	20,71	15,25	5,46	35,80
IC/kg	1.000đ	61,02	57,70	3,32	5,75
VA/kg	1.000đ	18,67	18,30	0,37	2,02
GO/IC	lần	1,31	1,32	-	-
VA/IC	lần	0,31	0,32	-	-
MI/IC	lần	0,22	0,06	-	-
GO/1ngày lđđ	1.000đ	875,25	1.157,49	-282,24	-24,38
VA/1ngày lđđ	1.000đ	205,05	278,78	-73,73	-26,45
MI/1 ngày lđđ	1.000đ	148,17	143,87	419,33	37,61

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, năm 2009

Dựa vào kết quả phân tích ta nhận thấy, so với tỉnh Trà Vinh thì nông hộ nuôi tôm theo mô hình BTC ở tỉnh Bạc Liêu tạo ra giá trị sản xuất cao hơn, trong khi chi phí sản xuất lại thấp hơn. Mặt khác, nông hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu tạo ra thu nhập hỗn hợp tính trên ngày công lao động cao hơn nông hộ ở tỉnh Trà Vinh. Điều này chứng tỏ, tỉnh Bạc Liêu có ưu thế hơn so với tỉnh Trà Vinh khi nuôi tôm theo mô hình BTC.

3.3 Kiểm định thu nhập của mô hình nuôi tôm BTC ở tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh

Để khẳng định sự khác nhau của mô hình nuôi tôm BTC giữa tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Trà Vinh, ta dùng kiểm định Mann Whitney để chứng minh. Mục đích kiểm định: kiểm định sự khác nhau về thu nhập của mô hình nuôi tôm BTC giữa hai tỉnh. Phương pháp kiểm định Mann Whitney được trình bày như sau:

H_0 : Trung bình thu nhập của mô hình BTC giữa hai tỉnh là bằng nhau; H_1 : Trung bình thu nhập của mô hình BTC giữa hai tỉnh là khác nhau. Trong trường hợp kiểm định này, ta mong đợi bác bỏ giả thuyết H_0 , nghĩa là chấp nhận giả thuyết H_1 tức là có sự khác biệt về thu nhập giữa mô hình nuôi tôm BTC ở tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Trà Vinh. Kết quả kiểm định được thể hiện như sau:

Bảng 3: Kết quả kiểm định Mann Whitnay về thu nhập

	Tỉnh	Số mẫu	Mean Rank	Sum of Ranks
Tổng thu nhập	Bạc Liêu	34	57,93	1.969,500
	Trà Vinh	46	27,62	1.270,500
	Tổng	80		
<i>Test Statistics (a)</i>				
				Tổng thu nhập
Mann-Whitnay U				189,500
Wilcoxon W				1.270,500
Z				-5,767
Asymp. Sig. (2.tailed)				0,000

a. Grouping Variable: Tỉnh (1 = Bạc Liêu, 2 = Trà Vinh)

Từ kết quả kiểm định cho thấy rằng có sự khác biệt về thu nhập bình quân giữa mô hình nuôi tôm BTC ở tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Trà Vinh với mức ý nghĩa thống kê 0,05 (sig. (2 tailed) = 0,00). Dựa vào bảng trên ta thấy, trung bình thứ hạng của mô hình nuôi tôm BTC ở Bạc Liêu là 1.969,5 lớn hơn trung bình thứ hạng của mô hình nuôi tôm BTC ở Trà Vinh 1.270,5. Ta có thể kết luận mô hình sản xuất tôm BTC ở tỉnh Bạc Liêu nhìn chung tốt hơn mô hình nuôi tôm BTC ở tỉnh Trà Vinh.

3.4 Nhận định một số thuận lợi, tồn tại trong sản xuất tôm theo mô hình BTC của nông hộ ở hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh

3.4.1 Thuận lợi

- *Nguồn lực lao động dồi dào, giá thấp*: Phần lớn nông hộ là những người có trình độ tay nghề phổ thông, thích hợp với các hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất tôm nói riêng với giá lao động tương đối thấp.
- *Điều kiện tự nhiên thuận lợi*: Với nhiều vùng sinh thái đa dạng mặn - ngọt - lợ đan xen cho nên đã hình thành, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện với nhiều loại cây con, nhất là nuôi trồng và khai thác thủy sản trở thành thế mạnh ở các tỉnh ĐBSCL nói chung và ở tỉnh Trà Vinh và Bạc Liêu nói riêng.
- *Sự ưu đãi của chính quyền (hỗ trợ kỹ thuật, cho vay vốn,...)*: Các trung tâm khuyến nông và công ty bảo vệ thực vật thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho người nuôi tôm. Trung bình người nuôi tôm được mời đi dự hội thảo 6 tháng/lần. Khi đó, họ được hướng dẫn về kỹ thuật nuôi tôm, về lịch thời vụ, cung cấp tài liệu,... để biết cách nuôi tôm đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, các ngân hàng tổ chức cho nông hộ vay vốn để sản xuất tôm với thủ tục đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng.
- *Sản phẩm làm ra dễ tiêu thụ*: Thực tế cho thấy, tôm sau khi thu hoạch đều được bán cho những người thu gom ở địa phương. Nếu nông hộ nuôi tôm với quy mô, sản lượng lớn thì vận chuyển đến các doanh nghiệp tư nhân (những trạm thu gom và sơ chế tôm để cung cấp cho các nhà máy chế biến tôm xuất khẩu).

3.4.2 Tồn tại và nguyên nhân

- *Trình độ tiếp thu khoa học kỹ thuật thấp*: Nguồn nhân lực chủ yếu là nông hộ với trình độ học vấn thấp, khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật hạn chế và không đồng đều, lại ngại ghi chép trong khi người hướng dẫn chủ yếu dạy;

lý thuyết. Giá trị của ao tôm rất lớn, là cả một gia tài của người nuôi, nên nếu hiểu biết một cách mơ hồ thì họ không dám áp dụng, còn nếu có áp dụng thì cũng không hoàn toàn đúng cách.

- *Vốn sản xuất chủ yếu là vốn vay ngân hàng*: Chi phí nuôi tôm là rất lớn và nguồn vốn tự có thì rất ít ỏi. Trong những hộ khảo sát thì có đến 53% hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu và 63% hộ nuôi tôm ở Trà Vinh có vay vốn ngân hàng với mục đích nuôi tôm. Do vậy, nguồn vốn sản xuất của người nông hộ chủ yếu là vốn vay từ ngân hàng. Ngoài ra, cũng có một số hộ không vay vốn từ ngân hàng (hoặc không vay được vốn) thì họ mua các yếu tố đầu vào (thức ăn viên, thuốc thủy sản,...) từ các đại lý theo phương pháp gởi đầu và tất nhiên là phải trả với giá cao hơn so với giá mua bằng tiền mặt. Cho dù trường hợp nào thì thu nhập của nông hộ ít nhiều cũng bị mất đi một phần do thiếu vốn.
- *Ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, tôm giống không đạt chất lượng*: Vấn đề môi trường bị ô nhiễm do nước không được xử lý trước khi thải, do sử dụng nhiều thức ăn, dư lượng thức ăn thừa tích tụ ở đáy ao, nguồn nước bị ô nhiễm là một trong những nguy cơ phát sinh bệnh tật đối với con tôm. Chất lượng con giống trên thị trường không được đảm bảo. Nhiều cơ sở sản xuất tôm giống tại địa phương chưa thực hiện đầy đủ quy trình sản xuất tôm giống sạch bệnh, chỉ sản xuất đại trà theo kinh nghiệm là chủ yếu nên chất lượng con giống chưa cao. Ngoài ra, việc ứng dụng quy trình sản xuất tôm giống chất lượng cao chưa được phổ biến. Trong khi đó, chi phí xét nghiệm tôm giống, mẫu nước nuôi tôm rất cao, tạo gánh nặng cho nông hộ.
- *Thời tiết diễn biến phức tạp*: Thời gian gần đây, thời tiết nắng nóng gay gắt, nguồn nước ngọt cạn kiệt dần và lượng nước mặn xâm nhập vào nội đồng làm cho độ mặn trong nước ao tăng cao. Không có đủ nguồn nước ngọt để giảm độ mặn. Thêm vào đó, thời tiết không ổn định, ngày nắng nóng nhưng đêm về lại lạnh, nhiệt độ thay đổi bất thường làm ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất tôm.
- *Giá cả thị trường biến động*: Trong năm 2008, con tôm không chỉ đối mặt với dịch bệnh mà còn bị tuột giá thê thảm, tôm nguyên liệu loại 30 con/kg dao động từ 85 - 90 ngàn đồng/kg, loại 40 con/kg từ 60 - 70 ngàn đồng/kg giảm khoảng 30 ngàn đồng/kg so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, thức ăn tăng từ 25 - 45 ngàn đồng/bao (loại 20kg), thuốc thú y thủy sản cũng tăng từ 10 - 15 ngàn đồng/chai (gói) tùy loại, chưa kể những vật tư, thiết bị phục vụ cho việc nuôi tôm cũng tăng.
- *Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật chưa hoàn thiện*: Đội ngũ cán bộ kỹ thuật ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm. Song, hiện nay tình trạng cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản ở Bạc Liêu và Trà Vinh thiếu và yếu trầm trọng. Phần lớn, cán bộ kỹ thuật chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, không đủ sức thuyết phục nông hộ có nhiều kinh nghiệm trong nghề nuôi tôm. Tình trạng này là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc nhiều hộ nuôi tôm thất bại, lâm vào cảnh khó khăn vì thiếu hiểu biết về khoa học kỹ thuật.

3.5 Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC của nông hộ ở hai tỉnh Bạc Liêu và Trà Vinh

- Thứ nhất, khắc phục tình trạng thiếu cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản bằng cách tạo điều kiện thuận lợi, có những chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích cán bộ kỹ thuật về địa phương phục vụ.
- Thứ hai, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nuôi tôm sao cho phù hợp với thực tiễn; tránh tình trạng nuôi tự phát, không theo quy hoạch dẫn đến những rủi ro, thiệt hại. Từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, xây dựng nhiều mô hình nuôi tôm sinh thái, nuôi tôm vi sinh, nuôi tôm sạch,... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, vừa tạo sức cạnh tranh trên thị trường vừa thân thiện với môi trường.
- Thứ ba, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm, nhất là hệ thống thủy lợi. Hoàn chỉnh hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ cho khu vực nuôi tôm. Các mô hình nuôi tôm nói chung và mô hình BTC nói riêng đòi hỏi chế độ theo dõi, chăm sóc đặc biệt, nhất là môi trường nước vì vậy nguồn nước phải được quản lý một cách chặt chẽ. Đồng thời, sản lượng tôm thu hoạch vào cuối vụ tương đối lớn do đó đòi hỏi hệ thống giao thông thích hợp để vận chuyển tôm được dễ dàng, hạn chế hao hụt, tiết kiệm chi phí.
- Thứ tư, tạo điều kiện thuận lợi cho nông hộ nuôi tôm được tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng. Khắc phục tình trạng nông hộ có nhu cầu vay vốn nhưng không vay được vốn (mặc dù có tài sản thế chấp). Đối với những hộ do thua lỗ nhiều năm không có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng thì ngân hàng cần có những giải pháp cụ thể để từng bước tạo điều kiện cho nông hộ trả nợ cũ và có thể vay vốn mới để tiếp tục nuôi tôm.
- Thứ năm, xây dựng thông tin thị trường chung giữa nông hộ và doanh nghiệp. Thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin thị trường tránh tình trạng thu hoạch tôm đồng loạt vào chính vụ làm giảm giá bán. Nhanh chóng xây dựng hệ thống cập nhật thông tin thị trường xuất khẩu tôm, dự đoán thị trường chính xác để giúp người nuôi tôm giảm bớt rủi ro do giá cả đầu ra không ổn định.
- Thứ sáu, hướng dẫn người nuôi tôm nâng cao trình độ kỹ thuật canh tác, kiểm soát dịch bệnh. Nâng cao ý thức người dân, không để lặp lại tình trạng chuyển dịch theo kiểu tự phát tràn lan như thời gian qua (nhất là cần thận trọng khi phát triển loại đối tượng nuôi tôm thẻ chân trắng).
- Thứ bảy, tạo mối liên hệ giữa nông hộ với các cơ sở thu gom, khuyến khích người thu gom đến tận ao nuôi để thu mua. Vì như thế sẽ làm tăng giá trị của con tôm, cả người nuôi và người thu gom đều có lợi. Đối với người nuôi sẽ giảm được chi phí, vì nông hộ thu hoạch tôm rồi vận chuyển đến vựa thì mất thêm khoảng chi phí thuê người thu hoạch tôm, chi phí ướp lạnh, tiền vận chuyển. Bên cạnh đó, người thu gom có thể thu mua tôm của nhiều hộ gần kề cùng một lúc để giảm chi phí vận chuyển so với mỗi hộ nuôi tôm tự vận chuyển một cách riêng lẻ.

- Thứ tam, cần xây dựng các Hợp tác xã nhằm liên kết các hộ nuôi tôm với nhau để chủ động hơn đối với các yếu tố đầu vào như: tôm giống, thức ăn, thuốc thủy sản,... đồng thời nông hộ có thể chủ động hơn đối với đầu ra cho con tôm, chẳng hạn như nông hộ có thể ký hợp đồng trực tiếp với các vựa tôm lớn hoặc các nhà máy chế biến, không phải thông qua người thu gom. Hợp tác xã sẽ chủ động hơn trước nhu cầu của thị trường. Từ đó, nông hộ sẽ thu được khoản lợi nhuận cao hơn.

4 KẾT LUẬN

Bạc Liêu và Trà Vinh là hai tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi tôm. Tuy nhiên, nuôi tôm theo mô hình BTC thì ở Bạc Liêu đạt hiệu quả hơn so với Trà Vinh. Nông hộ ở Bạc Liêu làm ra giá trị sản xuất từ tôm cao hơn so với Trà Vinh trong khi chi phí sản xuất của nông hộ ở tỉnh Bạc Liêu lại thấp hơn so với nông hộ ở tỉnh Trà Vinh, do vậy mà nông hộ ở Bạc Liêu đạt lợi nhuận từ con tôm cao hơn so với ở Trà Vinh. Bên cạnh những khó khăn và tồn tại xung quanh mô hình nuôi tôm BTC thì còn nhiều thuận lợi để phát triển mô hình này trong thời gian tới. Trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, muốn tiếp tục phát huy các lợi thế và thuận lợi riêng có từng địa phương và của vùng trong sản xuất tôm theo mô hình BTC đòi hỏi các cơ quan ban ngành hữu quan cần có những chủ trương, chính sách hợp lý hơn, thiết thực hơn trong thời gian tới. Nhóm nghiên cứu kỳ vọng những giải pháp được đề xuất sẽ là những căn cứ khoa học bổ ích và thiết thực cho việc đề xuất những chủ trương, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất tôm theo mô hình BTC ở Bạc Liêu, Trà Vinh nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bạc Liêu, “Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2008, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2009”.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Trà Vinh, “Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2008, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2009”.